

Số: *47* /2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý công nghệ
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 36/TTr-KHCN ngày 02 tháng 11 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 và thay thế Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. / *Ng*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp - Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN. ✶

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng
Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

Quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đối tượng, hồ sơ, nội dung và trình tự, thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư và giai đoạn quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư không sử dụng vốn đầu tư công; đăng ký chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, đăng ký chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Quy định này thống nhất với các từ ngữ sử dụng trong Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017, Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014, Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Đối tượng thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh thuộc các trường hợp sau đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:

a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao.

b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư

a) Dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

b) Dự án đầu tư xây dựng có công nghệ không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản này. ✎

3. Trong trường hợp triển khai dự án đầu tư đã được phê duyệt, nếu có điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ đã được thẩm định hoặc có ý kiến thì chủ đầu tư phải báo cáo cơ quan đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ để tiến hành thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về việc điều chỉnh, thay đổi công nghệ.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định công nghệ hoặc có ý kiến công nghệ dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 16, 17, 18, 19, 20 của Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017 và các quy định có liên quan.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các sở, ngành quản lý lĩnh vực chuyên môn có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ trong dự án đầu tư được thực hiện như sau:

1. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư: Kinh phí do ngân sách tỉnh cân đối hàng năm cho sự nghiệp khoa học công nghệ.

2. Trong giai đoạn quyết định đầu tư do chủ đầu tư chịu trách nhiệm và được tính trong tổng mức đầu tư.

3. Nội dung chi: Chi cho chuyên gia tư vấn, đánh giá; chi tổ chức Hội nghị tư vấn; chi tổ chức Hội đồng thẩm định; chi phí ăn, ở, đi lại cho các chuyên gia, thành viên hội đồng; chi phí in ấn, tài liệu, nước uống phục vụ hội nghị tư vấn, Hội đồng thẩm định.

4. Mức chi: Áp dụng mức chi cho Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 7. Đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao công nghệ và phần chuyển giao công nghệ quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Luật Chuyển giao công nghệ thuộc một trong những trường hợp sau đây phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, trừ công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ:

a) Đối với chuyển giao công nghệ thông qua thực hiện dự án đầu tư: Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam hoặc từ Việt Nam ra nước ngoài.

b) Đối với chuyển giao công nghệ độc lập và hình thức khác theo quy định của pháp luật: Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký chuyển giao công nghệ không thuộc trường hợp phải đăng ký quy định tại Khoản 1, Điều này. ✍

Điều 8. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, nội dung đăng ký chuyển giao công nghệ được lập theo Khoản 3,4,5,6, Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ

1. Đối với công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, nếu các bên có thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thì gửi hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

2. Hồ sơ đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ thực hiện theo Điều 33 Luật Chuyển giao công nghệ và Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.

3. Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư và chuyển giao công nghệ

1. Kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận công nghệ của đơn vị có dự án đầu tư nhằm phát hiện kịp thời và xử lý những hành vi đầu tư công nghệ sai khác so với hồ sơ đã được thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, làm ảnh hưởng xấu tới chất lượng sản phẩm và môi trường. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, sở quản lý ngành, lĩnh vực chuyên môn tổ chức kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ trong các trường hợp sau:

a) Theo kế hoạch.

b) Khi có dấu hiệu vi phạm về ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong quá trình triển khai, thực hiện dự án đầu tư và hoạt động chuyển giao công nghệ.

Điều 11. Báo cáo, thống kê hoạt động chuyển giao công nghệ

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ báo cáo về tình hình thực hiện đầu tư công nghệ, chuyển giao công nghệ khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

2. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định. ✓

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý công nghệ.

b) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về công nghệ. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ về thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao; phối hợp với sở, ngành quản lý lĩnh vực chuyên môn trong việc thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

d) Hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đối với các dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

e) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình chuyển giao công nghệ, thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Các cơ quan tiếp nhận hồ sơ xin chủ trương đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ xin chủ trương đầu tư tới Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ của dự án đầu tư.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ; chủ trì có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc dự án đầu tư xây dựng có nguy cơ tác động xấu đến môi trường có sử dụng công nghệ.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng khác trong việc kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền, lĩnh vực được phân cấp quản lý.

d) Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý đẩy mạnh hoạt động áp dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ bằng vốn từ kinh phí sự nghiệp khoa học hoặc từ các nguồn vốn khác.

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn thực hiện các văn bản về quản lý công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với ngành, địa phương.

Điều 13. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đầu tư

1. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, các tổ chức, cá nhân đã đăng ký chuyển giao công nghệ có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ theo Khoản 1, Điều 11 Quy định này. ↙

2. Các tổ chức, cá nhân có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ đảm bảo nghĩa vụ quy định tại Khoản 2, Điều 25 và Điều 26 của Luật Chuyển giao công nghệ.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện quy định này; phối hợp thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư khi có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật. / *ngp*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng
Nguyễn Văn Phóng